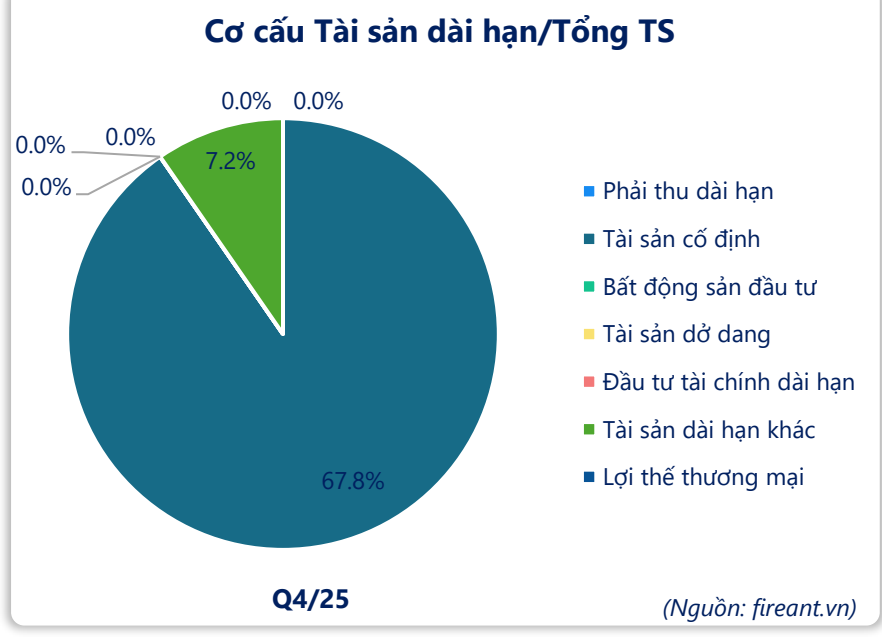
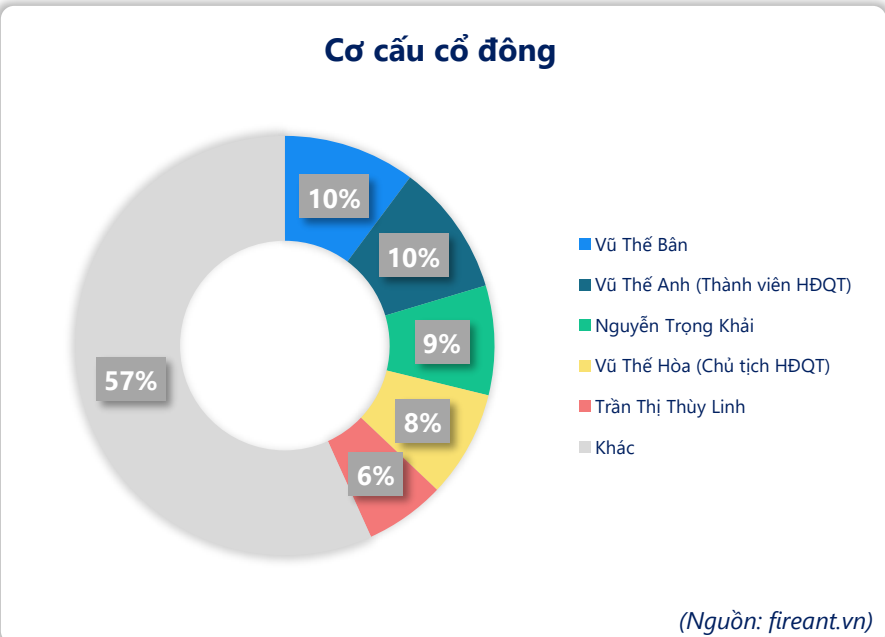
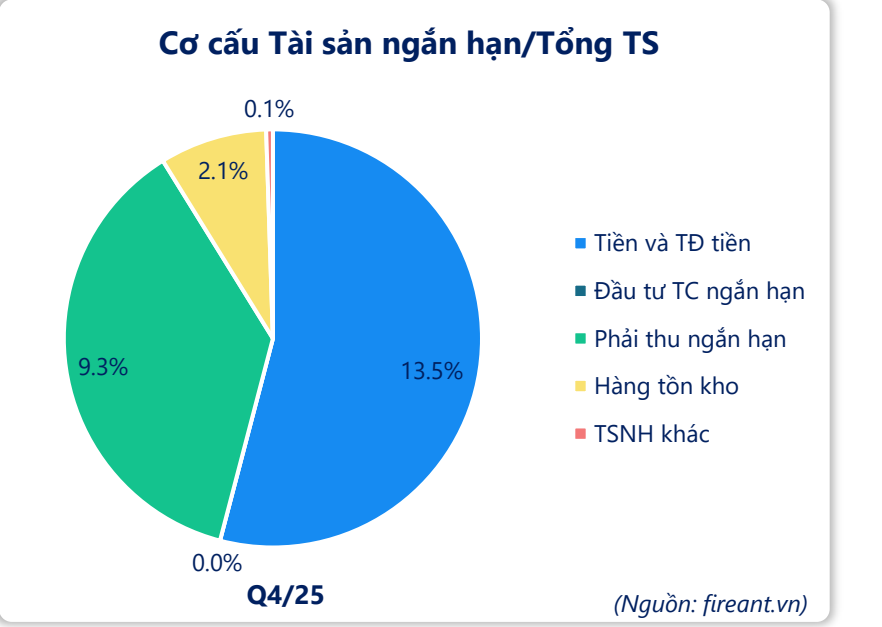
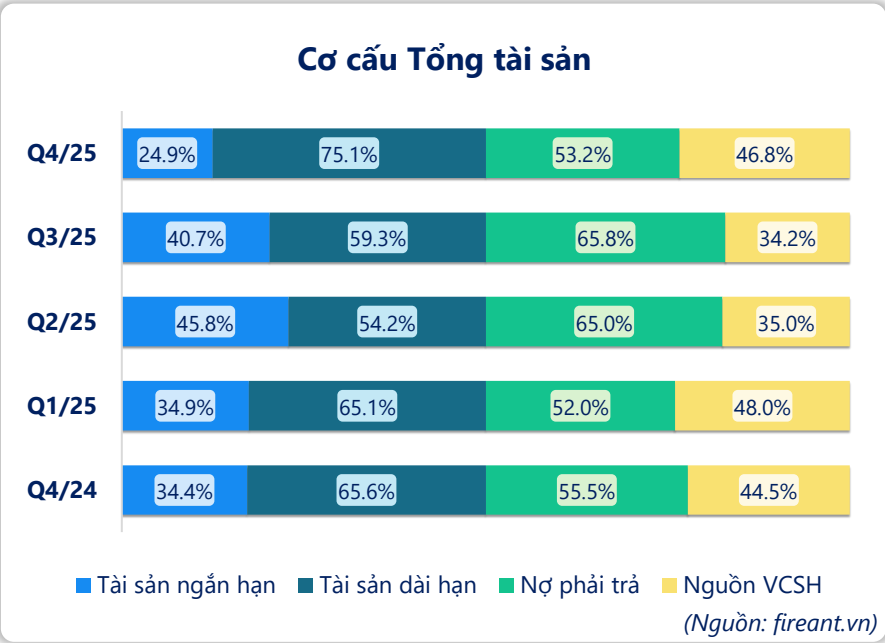
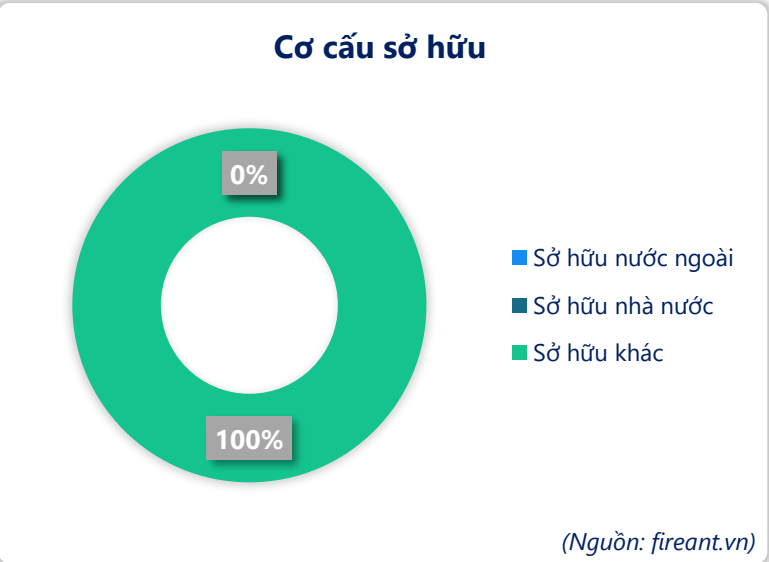
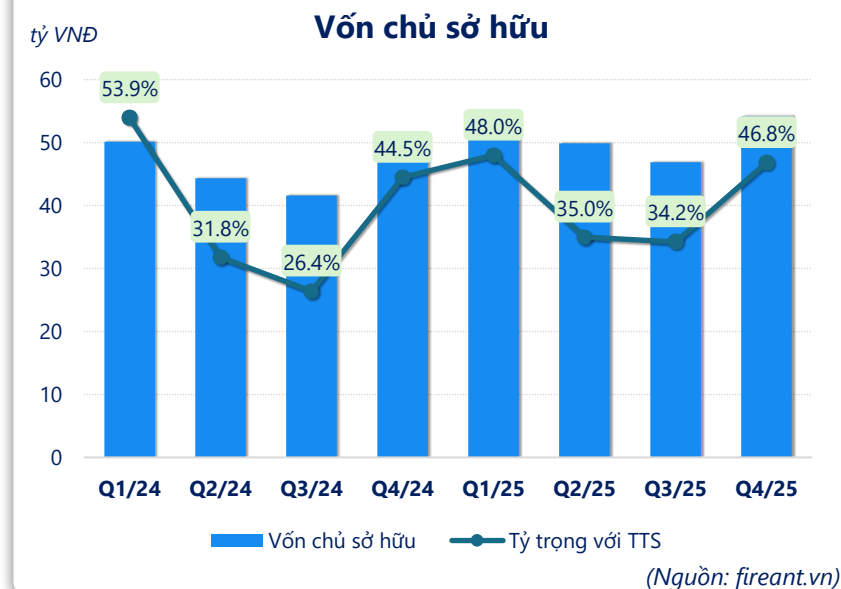
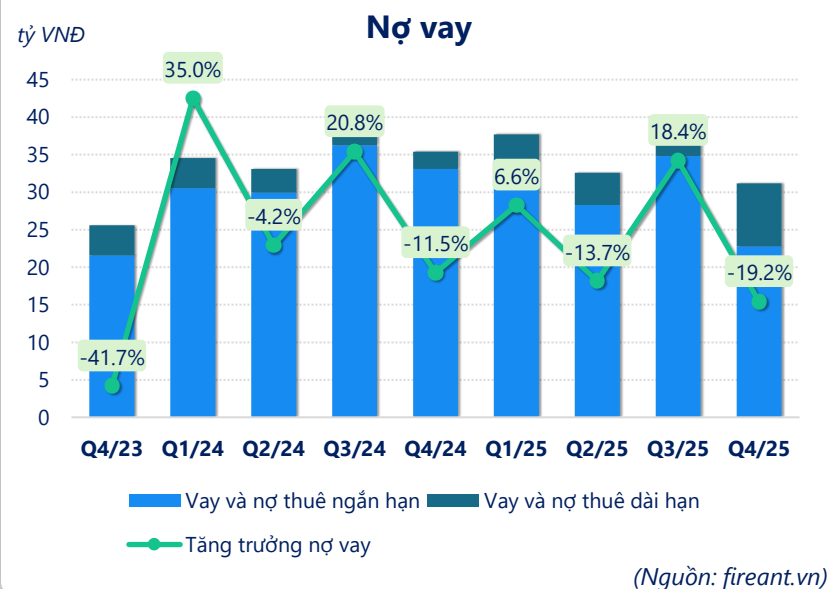
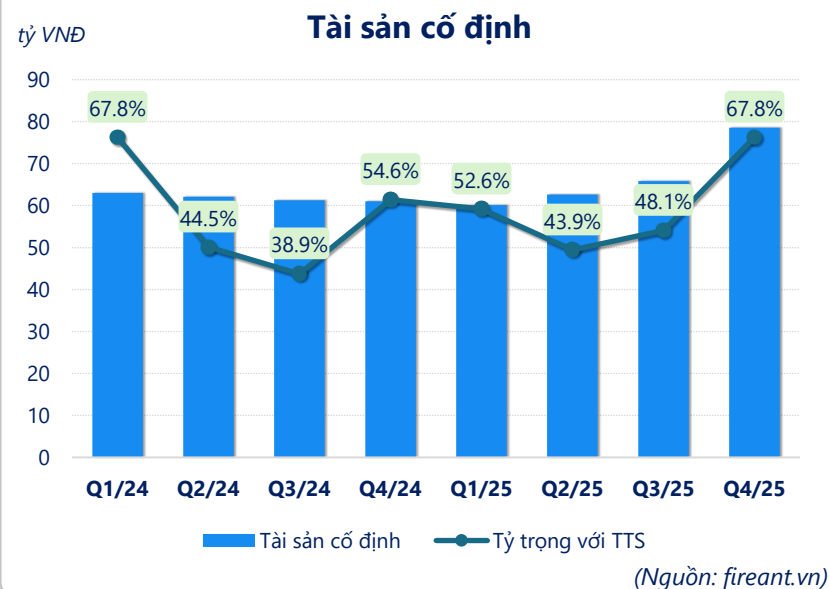
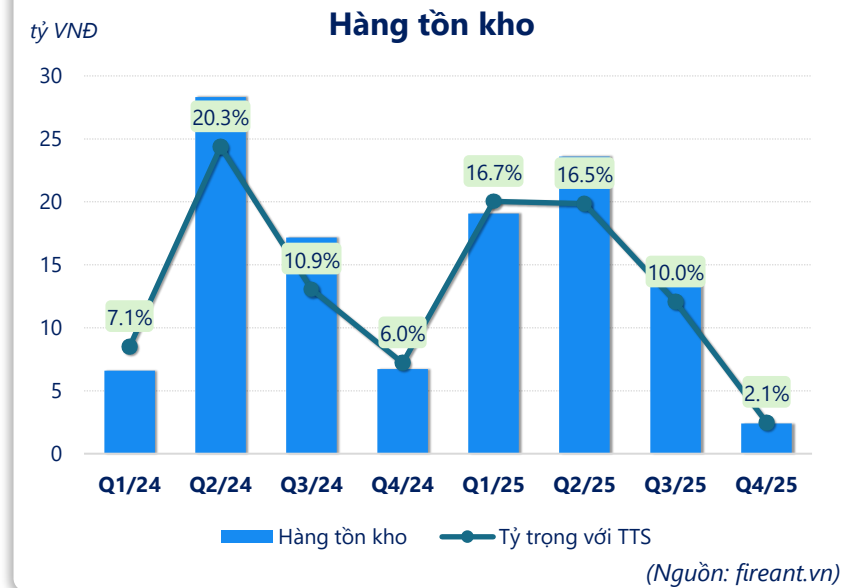
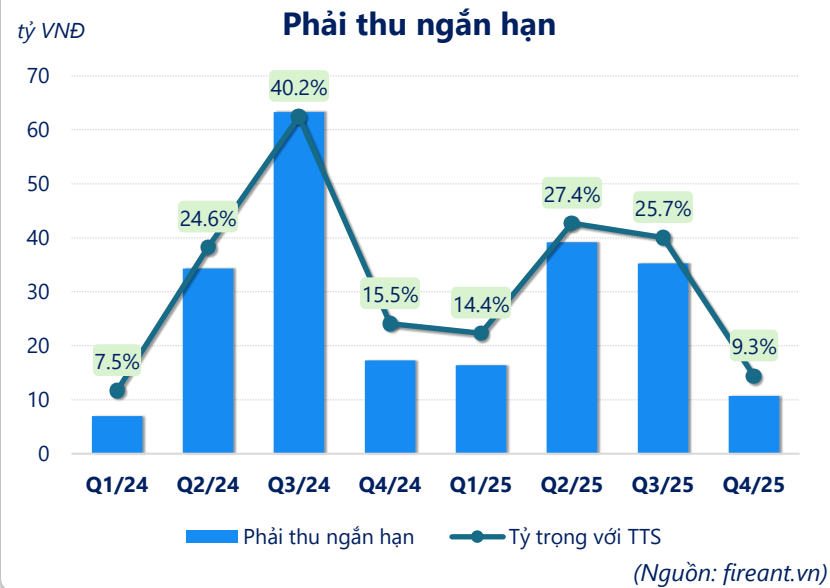
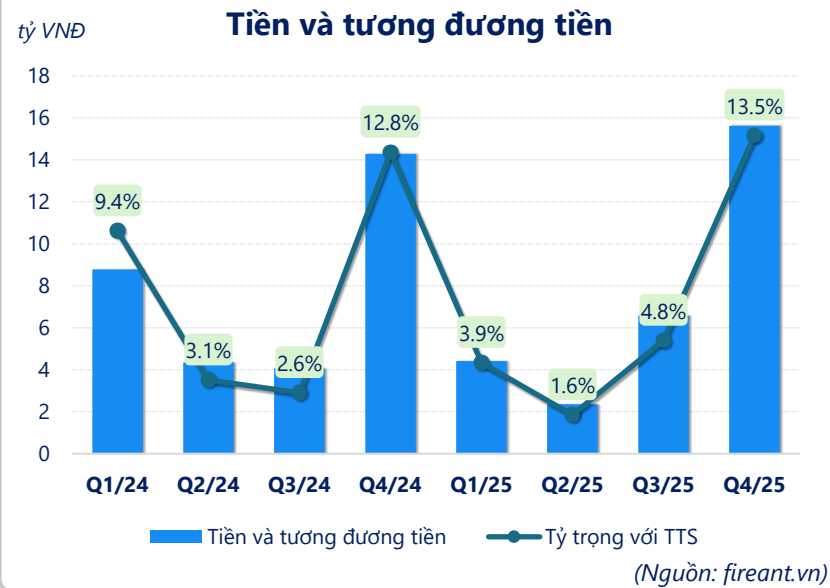
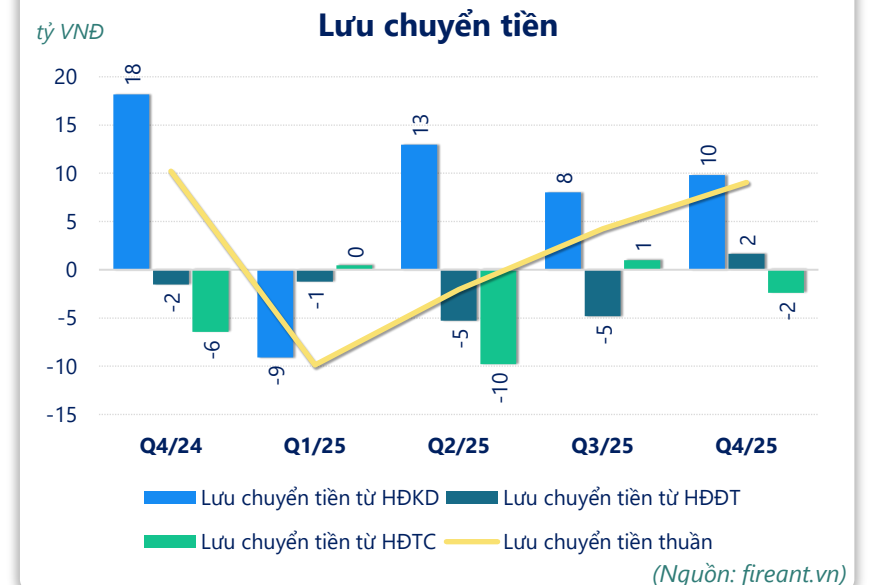
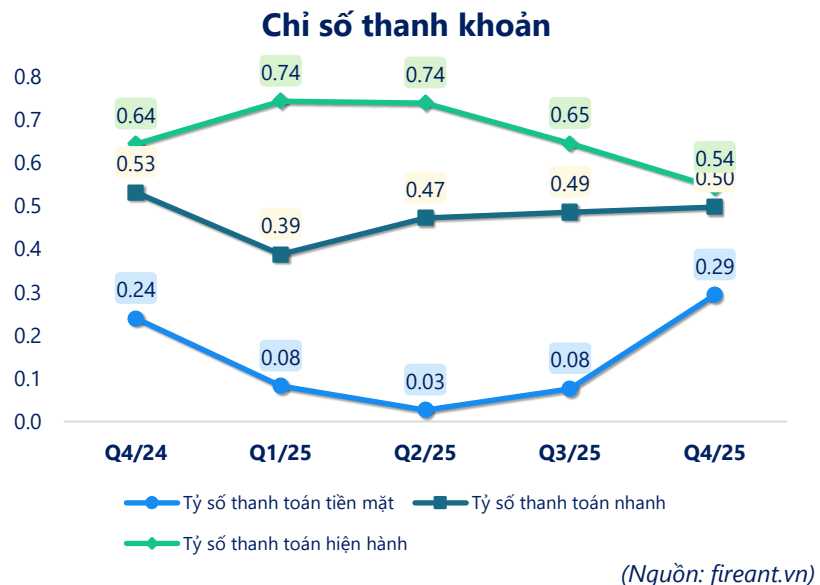
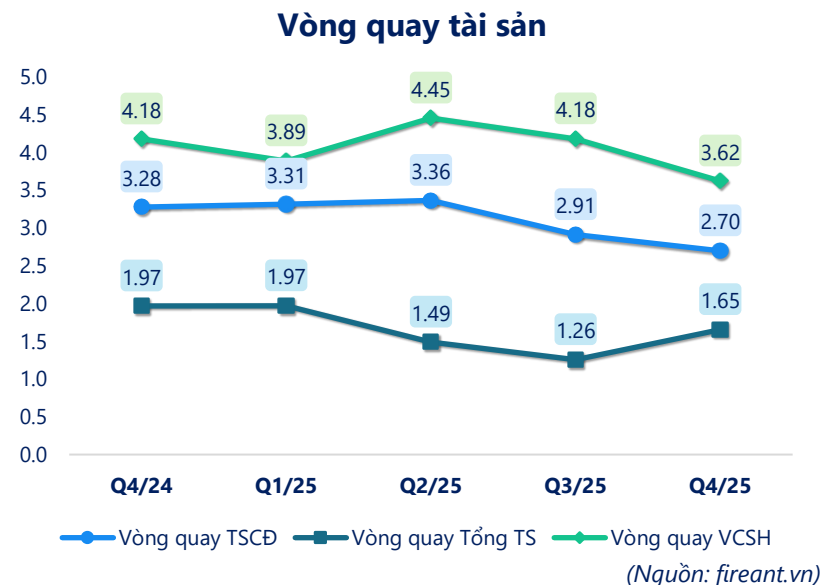
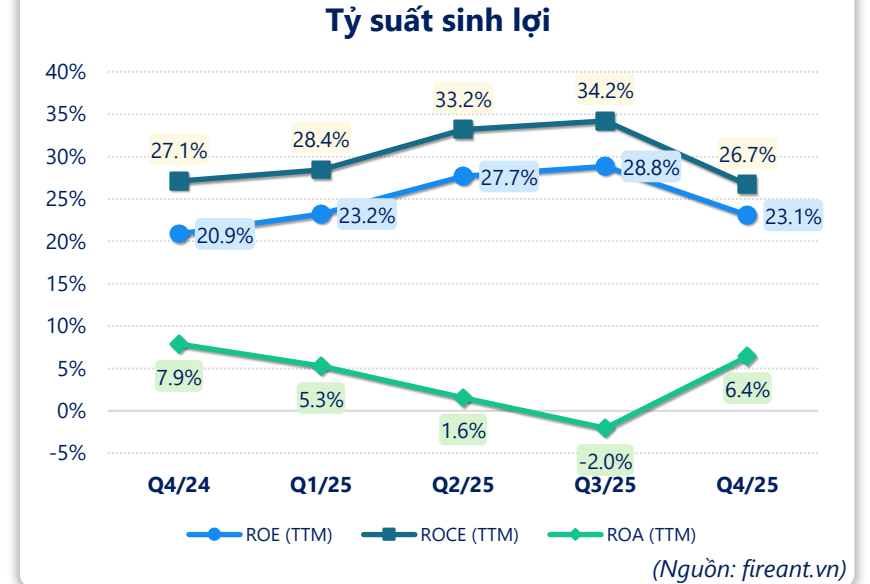
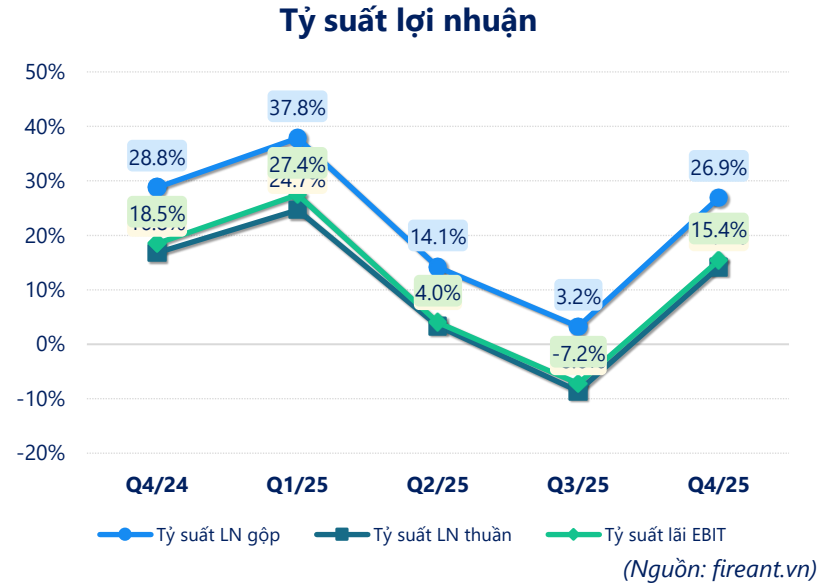
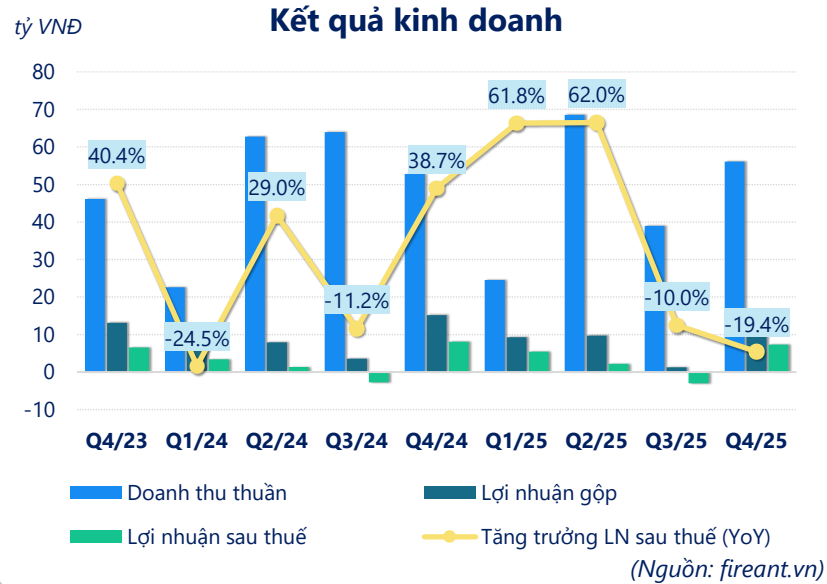


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,182
SL cổ phiếu LH		3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		130
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		93
P/E		7.7
EPS		3,700

	YTD	1T	3T	6T
QST	55.2%	-3.7%	-4.0%	-14.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	116	112	3.6%
Tài sản ngắn hạn	28.9	38.3	-24.6%
Tiền và tương đương tiền	15.6	14.3	9.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10.7	17.1	-37.5%
Hàng tồn kho	2.40	6.72	-64.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.15	0.19	-20.8%
Tài sản dài hạn	86.9	73.4	18.3%
Phải thu dài hạn	0	0.15	-100%
Tài sản cố định	78.5	61.0	28.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	8.47	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.38	3.82	120%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	61.6	62.1	-0.8%
Nợ ngắn hạn	53.2	59.8	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	33.1	-31.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.18	7.57	8.0%
Nợ dài hạn	8.40	2.30	266%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.40	2.30	266%
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.2	49.7	9.1%
Vốn chủ sở hữu	54.2	49.7	9.1%
Vốn điều lệ	32.4	32.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	52.8	24.5	68.5	39.0	56.1
Giá vốn hàng bán	37.6	15.3	58.9	37.7	41.0
Lợi nhuận gộp	15.2	9.29	9.68	1.26	15.1
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01
Chi phí TC	0.64	0.67	0.28	0.53	0.49
Chi phí lãi vay	0.64	0.67	0.28	0.53	0.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.46	1.20	4.69	2.56	3.83
Chi phí QLDN	3.22	1.37	2.42	1.53	2.84
LN thuần từ HĐKD	8.87	6.05	2.29	-3.36	7.93
Lợi nhuận khác	0.25	0.02	0.16	0.02	0.22
LN trước thuế	9.12	6.07	2.45	-3.34	8.15
Lợi nhuận sau thuế	8.10	5.46	2.20	-3.01	7.33
LNST của CĐ cty mẹ	8.10	5.46	2.20	-3.01	7.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.2	-9.10	13.0	8.03	9.81
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.54	-1.23	-5.26	-4.81	1.64
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.43	0.46	-9.78	1.01	-2.40
Tiền đầu kỳ	4.07	14.3	4.41	2.35	6.57
Lưu chuyển tiền thuần	10.2	-9.87	-2.07	4.22	9.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.3	4.41	2.35	6.57	15.6

(Nguồn: fireant.vn)